Chi tiết mã HS 0303.29.00

Mã HS	0303.29.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá rô phi (Oreochromis spp.), cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.), cá chép (Cyprinus spp., Carassius spp., Ctenopharyngodon idellus, Hypophthalmichthys spp., Cirrhinus spp., Mylopharyngodon piceus, Catla catla, Labeo spp., Osteochilus hasselti, Leptobarbus hoeveni, Megalobrama spp.), cá chình (Anguilla spp.), cá rô sông Nile (Lates niloticus) và cá quả (cá lóc hoặc cá chuối) (Channa spp.), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 06:56:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03032900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K373
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N373
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q373
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ373
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KR, TH)	0% (trừ KR, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E367
ATIGA	2022	2022	0	AT!E368
ATIGA	2023	2023	0	AT!F368
ATIGA	2024	2024	0	AT!G368
ATIGA	2025	2025	0	AT!H368
ATIGA	2026	2026	0	AT!I368
ATIGA	2027	2027	0	AT!J368
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E370
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F370
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G370
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I370
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J370
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E368
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F368
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G368
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H368
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I368
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J368
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F368
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H367
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F370
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G370
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H370
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I370
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J370
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K370
VKFTA	2022	2022	0	VK!E368
VKFTA	2023	2023	0	VK!F368
VKFTA	2024	2024	0	VK!G368
VKFTA	2025	2025	0	VK!H368
VKFTA	2026	2026	0	VK!I368
VKFTA	2027	2027	0	VK!J368
VCFTA	2022	2022	8	VC!D369
VCFTA	2023	2023	6	VC!E369
VCFTA	2024	2024	5	VC!F369
VCFTA	2025	2025	5	VC!G369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H369
VCFTA	2027	2027	5	VC!I369
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D370
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E370
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F370
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G370
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H370
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I370
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D36
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E36
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D369
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E369
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F369
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G369
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H369
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I369
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D367
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E367
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F367
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G367
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H367
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I367
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D369
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E369
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F369
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H369
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I369
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D369
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E369
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F369
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G369
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H369
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I369
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J369
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D368
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E368
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F368
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G368
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H368
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I368
RCEP B	2022	2022	18	B!D368
RCEP B	2023	2023	16	B!E368
RCEP B	2024	2024	14	B!F368
RCEP B	2025	2025	12	B!G368
RCEP B	2026	2026	10	B!H368
RCEP B	2027	2027	8	B!I368
RCEP C	2022	2022	18	C!D368
RCEP C	2023	2023	16	C!E368
RCEP C	2024	2024	14	C!F368
RCEP C	2025	2025	12	C!G368
RCEP C	2026	2026	10	C!H368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I368
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D368
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E368
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F368
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G368
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H368
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I368
RCEP E	2022	2022	18	E!D368
RCEP E	2023	2023	16	E!E368
RCEP E	2024	2024	14	E!F368
RCEP E	2025	2025	12	E!G368
RCEP E	2026	2026	10	E!H368
RCEP E	2027	2027	8	E!I368
RCEP F	2022	2022	18	F!D368
RCEP F	2023	2023	16	F!E368
RCEP F	2024	2024	14	F!F368
RCEP F	2025	2025	12	F!G368
RCEP F	2026	2026	10	F!H368
RCEP F	2027	2027	8	F!I368
VIFTA	2024	2024	*	VI!F350
VIFTA	2025	2025	*	VI!G350
VIFTA	2026	2026	*	VI!H350
VIFTA	2027	2027	*	VI!I350

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0303.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N373), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.